UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 70/KH-SNN

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Văn bản số 2316/UBND-THCB ngày 28/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của đơn vị[1], trong đó đặc biệt chú trọng việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với việc triển khai các nhiệm vụ CCHC, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử, giảm tối đa tỷ lệ văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang sử đường truyền cáp quang tốc độ cao do VNPT Tuyên Quang cung cấp, dung lượng băng thông lớn lên đến 100Mbps; các đơn vị trực thuộc Sở đều thuê đường truyền cáp quang riêng tốc

[1] Kế hoạch số 984/KH-SNN ngày 17/5/2016 về ứng dụng CNTT giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 94/KH-SNN ngày 24/10/2018 về ứng dụng CNTT năm 2019; Kế hoạch số 96/KH-SNN ngày 30/10/2018 về thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính chính của Sở NN và PTNT; Kế hoạch số 18/KH-SNN ngày 20/02/2019 về cải cách hành chính năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Kế hoạch số 36/KH-SNN ngày 25/3/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

độ 32Mbps, đảm bảo việc kết nối và chỉ đạo, điều hành thông suốt từ Lãnh đạo Sở đến cán bộ CCVC các phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Sở.

Trang thiết bị CNTT thường xuyên được đầu tư nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng định kỳ; hệ thống mạng máy tính luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo phục vụ các hoạt động ứng dụng CNTT của đơn vị; kết nối liên thông với các hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu trong tỉnh và quốc gia; đảm bảo an toàn, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu triển khai xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh. 100% cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ được trang bị máy tính làm việc, có kết nối đường truyền internet tốc độ cao.

Tổng số máy tính của Sở hiện có: 362 máy vi tính (*gồm: 90 máy tính xách tay, 03 máy chủ, 269 máy tính để bàn*), trong đó 02 máy vi tính không kết nối Internet để soạn thảo, lưu trữ văn bản mật. 100% các phòng họp đã được lắp đặt mạng Internet và phủ sóng Wifi.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước đã được kết nối thông suốt với phòng họp trực tuyến tại Sở, đường truyền hoạt động ổn định, đảm bảo tham gia đầy đủ các cuộc họp hội nghị truyền hình trực tuyến, giao ban điện tử do tỉnh tổ chức.

III. CÁC ỨNG DỤNG DỊCH VỤ

1. Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành

Từ năm 2016, Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai ứng dụng Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành vào công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Sở, 100% văn bản đi, đến của Sở *(trừ văn bản mật)* được số hóa, cập nhật vào Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành. Bên cạnh đó, Sở đã đồng loạt triển khai sử dụng các phần mền ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở như: Phần mềm Một cửa điện tử, Trang thông tin điện tử của Sở, hệ thống hộp thư điện tử của tỉnh, phần mềm quản lý tài liệu họp, hệ thống phần mềm báo cáo 3 cấp, phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức, phần mềm theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao... qua đó đã rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, điều hành của đơn vị.

Sở đã triển khai Chữ ký số trong kê khai bảo hiểm xã hội, kê khai thuế thu nhập cá nhân để giao dịch với Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước và Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ được tích hợp vào Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Sở. Từ ngày 15/4/2019, chính thức ký số và phát hành văn bản điện tử thay thế văn bản giấy, đến các cơ quan, nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, 100% công chức, viên chức sử dùng hòm thư điện tử phục vụ nhu cầu gửi, nhận văn bản, trao đổi công việc giữa công chức, viên chức các đơn vị, cơ quan trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Sở Nông nghiệp và PTNT duy trì và đảm bảo hoạt động Trang TTĐT của Sở luôn ổn định, bám sát thông tin thời sự hoạt động của ngành; công khai đầy đủ nội dung thông tin theo quy định, phục vụ nhu cầu khai thác, tìm kiếm thông tin của cán bộ, CNVCLĐ trong ngành và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Chất lượng Trang TTĐT ngày một nâng lên, thu hút lượng người quan tâm, truy cập trang qua các năm điều tăng lên *(cụ thể: năm 2017 là 840.900 lượt; năm 2018 là 1.883.686 lượt; năm 2019 là 3.215.918 lượt; Năm 2020 tính đến ngày 31/9: 1.883.443).*

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai cung cấp 116 dịch vụ công trên phần mềm Một cửa điện tử của Sở, Trang TTĐT của ngành và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Trong đó: 84 dịch vụ công mức độ 2, chiếm 72,4%; 16 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3[2], chiếm 13,8% và 16 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, chiếm 13,8%. Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 so với năm 2019 tăng 18 thủ tục.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông *(Quyết định số 440/QĐ-SNN ngày 28/12/2018)*; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy trình nội bộ, nội bộ liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền/phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT, trong đó quy định rõ thời gian, mối quan hệ phối hợp trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

III. AN TOÀN THÔNG TIN

Căn cứ tiêu chí xác định cấp độ hệ thống thông tin được quy định từ Điều 7 đến Điều 11, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Hiện nay, hệ thống thông tin của Sở Nông nghiệp và PTNT thuộc hệ thống thông tin cấp độ 2 (không thuộc hệ thống thông tin cấp độ 4, cấp độ 5). Hằng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT

---

[2] Mức độ 3: Chăn nuôi (03 thủ tục), Thú y (09 thủ tục), Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (03 thủ tục), lâm nghiệp (01 thủ tục).

Mức độ 4: Chăn nuôi (01 thủ tục), Thú y (09 thủ tục), Bảo vệ thực vật (02 thủ tục), Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (02 thủ tục), Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (01 thủ tục), Thuỷ sản (01).

ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin tại đơn vị[3].

Tổng số máy vi tính được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền là 140/362, các máy vi tính còn lại được cài đặt phần mềm diệt virus miễn phí; 02 ổ cứng lưu trữ ngoài để sao lưu dữ liệu dự phòng đảm bảo không bị mất thông tin, dữ liệu của cơ quan, đơn vị.

Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT sử dụng dịch vụ thuê Hostting của Trung tâm IDC VCD-VNPT đặt tại Hà Nội, là Trung tâm dữ liệu được trang bị cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn Teir 3, hệ thống phòng, chống sét, cháy nổ tức thời với khí Nitơ; có trang bị hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và sự ổn định của đường truyền.

IV. NGUỒN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

100% cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và PTNT đều sử dụng máy tính và ứng dụng các phần mềm trong xử lý công việc chuyên môn. Đơn vị đã bố trí 02 cán bộ là kỹ sư công nghệ thông tin chuyên trách về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển giao dịch điện tử của Sở, theo dõi hoạt động của các hệ thống mạng, đảm bảo hoạt động ổn định đường truyền, an toàn, an ninh thông tin. 100% các đơn vị trực thuộc có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực tế.

B. KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Luật An ninh mạng năm 2018;

- Các Nghị quyết của Trung ương: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/04/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 52-

[3] Kế hoạch 03/KH-SNN ngày 23/3/2020 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia; Văn bản số 31/SNN-VP ngày 25/9/2019 về việc thực hiện Kế hoạch của Uỷ ban nhân dân tỉnh về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; Thông báo số 11/TB-SNN ngày 06/4/2018 về ứng dụng phát tán mã độc "Ghost Team" có nguồn gốc từ Việt Nam; Văn bản số 764/SNN-VP ngày 30/5/2018 về việc theo dõi, ngăn chặn kết nối máy chủ điều khiển mã độc GrandCard; Văn bản số 1249/SNN-VP ngày 09/8/2018 về việc tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; Quyết định số 246/QĐ-SNN ngày 08/6/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Quy chế quản lý ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Nông nghiệp và PTNT.

NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia;

- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 về phê duyệt Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công Quốc gia;

- Văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của tỉnh: Quyết định phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 1.0 và phiên bản 2.0; Kế hoạch số 402-KH/TU ngày 26/6/2020 của Tỉnh uỷ về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 20/6/2018 triển khai thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2018-2022); Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 08/4/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng 2025; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 20/5/2020 thực hiện nội dung đột phá "Tuyên Quang chung tay nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính" năm 2020 và giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thực hiện các giải pháp phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và PTNT nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị, phấn đấu trên 90% tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước; nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt 50% trở lên.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai ứng dụng công nghệ thông tin theo giai đoạn và hằng năm tại đơn vị. Phối hợp, tham gia ý kiến xây dựng, rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định của pháp luật, cơ chế và chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho việc xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh với các hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của các sở, ngành thông qua hệ thống nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

2. Phát triển Hạ tầng công nghệ thông tin

Nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ LAN đồng bộ kết nối của Sở theo mô hình client/server đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, đáp ứng yêu cầu triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh Tuyên Quang. Chuyển đổi từ giao thức Ipv4 sang Ipv6 theo lộ trình. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

3. Ứng dụng các phần mềm nghiệp vụ

3.1. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

- Tận dụng, phát phuy tối đa khả năng xử lý của các hệ thống ứng dụng dùng chung, như: Hệ thống thư điện tử, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, phần mềm Một cửa điện tử, phần mền Quản lý cán bộ công chức ngành nông nghiệp và PTNT, phần mềm Quản lý tài liệu họp, phần mềm theo dõi nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và các phần mềm chuyên ngành, như: Phần mềm chuyên dùng đo mưa tự động; phần mềm kế toán; phần mềm báo cáo 3 cấp, phần mềm quản lý tài sản … phục vụ công tác chuyên môn của ngành, công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của Sở.

- Thực hiện hiệu quả chữ ký số chuyên dùng trong trao đổi văn bản điện tử theo quy định về gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; nâng cao tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trong ngành và liên thông với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang TTĐT của Sở Nông nghiệp và PTNT; thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 của Luật CNTT, Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại Bộ phận Một cửa, một cửa liên thông; sử dụng hiệu quả phần mềm Một cửa điện tử của Sở để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ 2, 3, 4 phù hợp với nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp nhằm tăng số lượng hồ sơ, tiếp nhận, xử lý qua môi trường mạng.

- Phối hợp tuyên truyền, triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Phấn đấu cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tối đa 50% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT. Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa cổng dịch vụ công của tỉnh với cổng dịch công quốc gia, 100% các giao dịch trên cổng dịch vụ công của Sở được xác thực điện tử; kết nối với các nền tảng thanh toán số, hướng tới sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với các giao dịch điện tử trên công dịch vụ công của Sở đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất tích hợp dịch vụ trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.

5. Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và điều hành

- Từng bước chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và điều hành của Sở nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công việc; tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu, góp phần xây dựng chính quyền điện tử và tận dụng tối đa những lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại.

- Phấn đấu đến năm 2025, số hoá toàn bộ 100% văn bản đi, đến của Sở từ năm 2010 đến hết năm 2016 cập nhật lên Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, sử dụng, phục vụ cho công tác xây dựng chính quyền điện tử; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý và điều hành của ngành Nông nghiệp và PTNT.

6. Sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình

Tăng cường sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến để tổ chức các cuộc họp, giao ban, tập huấn nghiệp vụ...với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan sử dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh.

7. Đảm bảo an toàn thông tin

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin, hệ

thống an toàn, an ninh và bảo mật thông tin cho máy chủ và hệ thống máy tính tại Sở; triển khai các giải pháp ngăn chặn virus, mã độc cho máy chủ, máy tính của cán bộ, công chức, viên chức; định kỳ hàng năm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về an toàn, an ninh thông tin; tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường mạng; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh ngăn chặn, xử lý kịp thời các cuộc tấn công mạng.

- Trang thông tin điện tử của Sở duy trì sử dụng dịch vụ thuê Hostting của Trung tâm IDC VCD-VNPT đặt tại Hà Nội, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và sự ổn định của đường truyền.

8. Phát triển nguồn nhân lực

Tạo điều kiện cho cán bộ công nghệ thông tin tham gia các khóa tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng quản trị mạng, website, xây dựng và quản lý các hệ thống thông tin chuyên ngành, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch này; hàng năm cân đối ngân sách cho hoạt động ứng dụng CNTT, đảm bảo hệ thống máy tính của đơn vị luôn hoạt động ổn định và hiệu quả.

2. Văn phòng Sở

Chủ trì tham mưu tổ chức và theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện nội dung Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025, yêu cầu các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Thông tin và TT (tổng hợp);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (thực hiện);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Công Hàm